

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2024.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Ánh và ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 20/6/1998.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh ngày 13/5/2003.

Địa chỉ: Khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Anh D1 có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị N vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/09/2021 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã

T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 9/2023, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Dũng không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn chị Lê Thị N*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng chị N đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2024 ông Lê Văn P1 (bố đẻ chị N) trình bày*: Chị N và anh D đăng ký kết hôn ngày 27/09/2021 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị N về chung sống cùng gia đình anh D tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 9/2023, chị N đã về nhà ông ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xin ly hôn chị N, ông đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau. Anh Dũng, chị N không có con chung. Về các văn bản tố tụng Toà án giao cho chị N, ông đều đã nhận thay và giao lại cho chị N. Chị N biết rõ việc anh D xin ly hôn chị, nhưng do bận đi làm nên chị không đến Toà án làm việc được. Ông đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị N.

4, *Qua xác minh tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 28/6/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/09/2021 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 9/2023, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh Dũng và chị N

không có con chung. Nay anh D xin ly hôn chị N, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Lê Thị N.

Về con chung: Anh Dũng, chị N không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Dũng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị N có hộ khẩu thường trú tại khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Anh D1 có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía chị N đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh D1, chị N là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 27/09/2021 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, anh D1 cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 9/2023, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Phía chị N được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, chị N có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh D1 và chị nhưng chị không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bố đẻ chị N cũng xác nhận từ tháng 9/2023, chị N đã về nhà ông ở và vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, ai quan tâm đến ai. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh D1 và chị N được đại diện chính quyền địa phương cung cấp từ tháng 9/2023, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu P ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh D1 và chị N đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho anh D1 được ly hôn chị N là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Dũng, chị N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Dũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Dũng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Lê Thị N.

[2]. Về con chung: Anh Dũng, chị N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Dũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004837 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu H